



## **BẢN TIN 03. CHUẨN BỊ ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI QUY ĐỊNH CHỐNG MẤT RỪNG CỦA EU - ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÔNG LÂM SẢN**

**Tô Xuân Phúc & Lương Kim Anh**

Tháng 10 năm 2023

## Một số nét chính

---

Quy định chống mất rừng của EU (gọi tắt là EUDR) bắt đầu có hiệu lực từ 29/06/2023. Hiện tại có 7 nhóm mặt hàng chịu sự điều chỉnh của EUDR. Việt Nam hiện có ba mặt hàng xuất khẩu vào EU, bao gồm cà phê, gỗ và cao su.

Để được phép lưu thông các mặt hàng này tại EU các doanh nghiệp (DN) nhập khẩu từ EU cần đảm bảo sản phẩm là hợp pháp và không gây mất rừng và suy thoái rừng (sau đây gọi tắt là mất rừng) với thời điểm mất rừng tính từ 30/12/2020 trở về sau. DN có 18 tháng (DN lớn) hoặc 24 tháng (DN vừa và nhỏ) sau khi EUDR có hiệu lực để chuẩn bị đáp ứng với các yêu cầu của EUDR. Một trong những yêu cầu quan trọng trong EUDR là truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên toàn bộ chuỗi cung, bao gồm xác định chính xác vị trí thửa đất nơi các mặt hàng này được sản xuất (geolocation).

Bản tin này tóm tắt các yêu cầu của EUDR, tập trung vào khía cạnh vị trí địa lý của các thửa đất canh tác. Đối với cả ba nhóm mặt hàng nêu trên, nông hộ đóng vai trò chủ đạo tại khâu đầu của chuỗi cung. Bản tin cung cấp thông tin cơ bản về đất sản xuất của các nông hộ trong chuỗi, bao gồm cả các khó khăn hình thành bởi tình trạng đất đai manh mún và thiếu các bằng chứng pháp lý cần thiết (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với một số mảnh đất nhằm xác định hộ là chủ thể hợp pháp khi sử dụng các mảnh đất này. Giải quyết các vấn đề tồn tại này là điều kiện hết sức cần thiết nhằm đáp ứng các yêu cầu của EUDR về xác định vị trí địa lý của thửa đất nơi sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.

## 1. Giới thiệu

Liên minh Châu Âu (EU) vừa ban hành Quy định số 2023/1115 về việc cấm nhập khẩu và lưu thông tại thị trường này các mặt hàng mà quá trình sản xuất và chế biến gây mất rừng và suy thoái rừng. Quy định Chống phá rừng châu Âu (EU Deforestation Regulation - EUDR)<sup>1</sup> chính thức có hiệu lực vào ngày 29/6/2023. Bảy mặt hàng hiện tại nằm trong sự kiểm soát của EUDR bao gồm gia súc, dầu cọ, cacao, cà phê, cao su, gỗ và đậu nành. Doanh nghiệp nhập khẩu vào EU có 18 tháng chuẩn bị (24 tháng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ) về thông tin, tổ chức lại chuỗi cung ứng trước khi EU chính thức thực hiện EUDR.

Việt Nam hiện đang có ba mặt hàng quan trọng xuất khẩu sang EU hiện đang nằm trong phạm vi kiểm soát của EUDR bao gồm cà phê, gỗ và cao su. Do EU là một trong những đối tác thương mại quan trọng nhất, nhập khẩu khoảng trên 3 tỷ USD ba nhóm mặt hàng này từ Việt Nam mỗi năm, việc đáp ứng các yêu cầu trong EUDR có ý nghĩa đặc biệt cấp thiết đối với DN xuất khẩu của Việt Nam nói riêng và toàn bộ các bên tham gia ba ngành hàng này của Việt Nam nói chung.

Bản tin này bao gồm 3 phần chính. Phần thứ nhất tóm tắt quy định truy xuất nguồn gốc của hàng hóa theo yêu cầu trong EUDR, nhấn mạnh vào khía cạnh *vị trí địa lý (geolocation)* của mảnh đất nơi hàng hóa được sản xuất. Phần thứ hai trình bày thực trạng của ba ngành cà phê, cao su, và gỗ, so sánh với các yêu cầu của EUDR nhằm đánh giá khả năng thích ứng của ba ngành khi Quy định này đi vào thực thi. Phần thứ ba đưa ra các khuyến nghị để chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu từ phía EU.

## 2. Quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong EUDR

EUDR đưa ra hai yêu cầu cốt lõi đối với bảy nhóm sản phẩm hiện đang chịu sự kiểm soát của EUDR bao gồm dầu cọ, đậu nành, gỗ, ca cao, cà phê, gia súc và cao su lưu thông tại thị trường này là (i) **không làm mất rừng** và (ii) **hợp pháp**.

Theo đó, sản phẩm được sản xuất trên các diện tích đất liên quan tới mất rừng hoặc suy thoái rừng sau thời điểm 31/12/2020 sẽ không được nhập khẩu và lưu thông tại thị trường EU. EUDR định nghĩa:

- ‘Mất rừng’ được hiểu là hoạt động chuyển đổi từ rừng sang đất nông nghiệp.
- ‘Suy thoái rừng’ là sự chuyển đổi mang tính chất hệ thống từ rừng tự nhiên hoặc rừng tái sinh tự nhiên sang các diện tích rừng trồng.

Sản phẩm được coi là hợp pháp nếu quá trình sản xuất ra sản phẩm đó tuân thủ toàn bộ các yêu cầu liên quan của quốc gia sản xuất. Các yêu cầu này bao trùm nhiều lĩnh vực, gồm các quyền về đất đai, quy định về bảo vệ môi trường, quy định liên quan tới rừng (bao gồm quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học), quyền của bên thứ ba (quyền cộng đồng), quyền của người lao động, quyền con người theo các công ước quốc tế mà quốc gia đó đã ký kết, Nguyên tắc đồng thuận tự nguyện, được thông báo trước và thông tin đầy đủ (FPIC) được đưa ra trong Tuyên bố về Quyền của người bản địa (của Liên hợp quốc), các quy định về thuế, phí, thương mại, hải quan, v.v.

Để chứng minh sản phẩm thỏa mãn cả hai yêu cầu cốt lõi nêu trên, EU yêu cầu nhà nhập khẩu thu thập các thông tin làm bằng chứng chứng minh, và khai báo trong bản Cam kết về trách nhiệm thẩm định chuỗi cung ứng (due diligence statement). DN nhập khẩu phải nộp bản cam kết này cho cơ quan thẩm quyền của EU trước khi nhập khẩu hàng hóa vào khối này.

<sup>1</sup> Truy cập văn bản chính thức phát hành tại địa chỉ: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:32023R1115>

## **Yêu cầu về vị trí địa lý của mảnh đất canh tác**

Trong số các quy định quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng, yêu cầu truy xuất nguồn gốc hàng hóa tới tận vị trí địa lý của mảnh đất nơi sản xuất ra sản phẩm được EU ưu tiên hàng đầu.

Điều 2 của EUDR định nghĩa “vị trí địa lý” (geolocation) như sau:

- Vị trí địa lý của một thửa đất được mô tả bằng kinh độ và vĩ độ tương ứng với ít nhất một điểm có kinh độ và vĩ độ sử dụng ít nhất 6 chữ số thập phân.
- Đối với các thửa sản xuất sản phẩm ngoài gia súc có diện tích trên 4 ha, tọa độ địa lý của các điểm thuộc đường đa giác (polygon) mô tả ranh giới thực tế của thửa đất đó cần được cung cấp.

Theo Điều 9 khoản d của EUDR, DN cần thu thập và lưu trữ trong vòng 5 năm các thông tin liên quan đến sản phẩm nhằm chứng minh sản phẩm hợp pháp và không gây mất rừng, đồng thời khai báo với cơ quan thẩm quyền khi được yêu cầu. Trong đó, quy định thông tin đối với nơi sản xuất ra sản phẩm được ban hành như sau:

- Vị trí địa lý của tất cả các thửa đất mà sản phẩm được sản xuất cũng như ngày tháng hoặc khoảng thời gian sản xuất phải được cung cấp. Nếu sản phẩm được sản xuất trên nhiều thửa đất khác nhau, vị trí địa lý của tất cả các thửa đất đó cần được khai báo.
- Nếu quá trình sản xuất sản phẩm tại bất kỳ thửa đất nào gây ra mất rừng, (tính từ thời điểm 31/12/2020), tất cả các sản phẩm được sản xuất trên mảnh đất đó không đủ tiêu chuẩn để lưu thông tại thị trường EU.

Dữ liệu về vị trí địa lý của thửa đất canh tác được DN khai báo sẽ được EU lưu trữ trong hệ thống thông tin quản lý các Bản cam kết về trách nhiệm thẩm định chuỗi cung ứng. Hệ thống này dự kiến sẽ được xây dựng xong muộn nhất là ngày 30/12/2024. EU khuyến khích các bên sử dụng các dữ liệu và dịch vụ không gian cung cấp trong khuôn khổ Chương trình vũ trụ của EU (EGNOS/Galileo and Copernicus) để xác định vị trí địa lý của thửa đất canh tác.

Như vậy để hàng hóa đáp ứng được yêu cầu của EUDR DN nhập khẩu cần cung cấp thông tin về vị trí địa lý các sản phẩm này được tạo ra và chứng minh rằng quá trình sản xuất tại các vị trí này không gây mất rừng hoặc suy thoái rừng kể từ ngày 31/12/2020.

## **3. Thách thức trong việc thực hiện truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của EUDR**

Cà phê, gỗ và cao su là ba nhóm mặt hàng quan trọng hiện đang được các DN xuất khẩu sang EU. Hiện Chính phủ Việt Nam đang thực hiện chính sách đóng cửa rừng tự nhiên. Các diện tích mới chuyển đổi từ các diện tích rừng tự nhiên sang rừng trồng, cà phê, cao su chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ. Bảng 1 cung cấp thông tin về thay đổi tỉ lệ che phủ rừng tính từ thời điểm 2020, được thống kê bởi cơ quan quản lý lâm nghiệp. Các cơ số trong bảng chưa thể hiện sự thay đổi về chất lượng rừng (suy thoái rừng). Nếu chiếu theo quy định của EUDR, nhìn chung ba ngành hàng này của Việt Nam ít có nguy cơ bị xếp vào nhóm rủi ro gây mất rừng và suy thoái rừng do diện tích sản xuất ba mặt hàng đã ổn định từ trước 2020. Tuy nhiên, để chứng minh điều này trên thực tế lại đối mặt với nhiều thách thức do thiếu các bằng chứng pháp lý cần thiết.

Bảng 1: Hiện trạng rừng toàn quốc giai đoạn 2020 - 2022 theo công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn<sup>2</sup>

	2020 (ha)	2021 (ha)	2022 (ha)
Diện tích đất có rừng bao gồm cả rừng trồng chưa khép tán, trong đó:	14.677.215	14.745.201	14.790.075
+ Rừng tự nhiên	10.279.185	10.171.757	10.134.082 <sup>3</sup>
+ Rừng trồng	4.398.030	4.573.444	4.655.993
Diện tích đất có rừng đủ tiêu chuẩn để tính tỷ lệ che phủ	13.919.557	13.923.108	13.926.043
Tỷ lệ che phủ toàn quốc	42,01%	42,02%	42,02%

Nguồn: Bộ NN&PTNT

### Tính pháp lý của đất canh tác thuộc sở hữu của nông hộ sản xuất chưa rõ ràng

Một đặc điểm chung của cả ba ngành gỗ, cà phê, cao su là chuỗi cung có sự tham gia của nhiều nông hộ (Bảng 2). Các hộ thường có diện tích canh tác nhỏ, manh mún, chủ yếu là dưới 1 ha. Một hộ có thể có nhiều mảnh đất khác nhau, thậm chí tận dụng trồng cây trên các diện tích gần nhà vốn không được phân loại là đất rừng trồng hoặc đất nông nghiệp thuộc sở hữu của hộ. Mặt khác, một bộ phận không nhỏ các hộ hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), hoặc nếu có thì chỉ giới đất ghi trên sổ đỏ lại không khớp với thực tế. Điều này có nhiều nguyên nhân như bà con người dân tộc thiểu số canh tác trên thửa đất thuộc sở hữu của gia đình mình từ nhiều đời và không quan tâm đến sổ đỏ, hoặc quá trình đo đạc thửa đất xảy ra sai sót của cán bộ địa phương, hộ tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, v.v. Hiện tại, các hộ phản ánh việc cấp mới hoặc sửa chữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất khó khăn, thủ tục phức tạp và kéo dài.

### Chuỗi cung phức tạp, nhiều khâu trung gian

Chuỗi cung của cả ba ngành hàng hiện nay dài/ phức tạp với nhiều bên tham gia. Tại khâu đầu của chuỗi, nông hộ đóng vai trò chủ đạo với hàng trăm nghìn, thậm chí hàng triệu hộ tham gia khâu sản xuất. Mỗi hộ thường có 2-3 mảnh đất canh tác, có hộ có 5-6 mảnh, với nguồn gốc đất của các mảnh đất này có thể khác nhau (ví dụ đất được nhà nước giao, đất hộ tự mua, đất tự khai hoang...). Một số hộ thiếu các bằng chứng pháp lý minh chứng mình là chủ thể hợp pháp khi sử dụng các mảnh đất này. Một số mảnh đất được các hộ tự khai hoang, hoặc mua bán theo hình thức phi chính thống. Nguồn gốc đất đai không rõ ràng do thiếu các bằng chứng pháp lý, bao gồm cả việc cơ quan quản lý đất đai ở địa phương thiếu nguồn lực để thực hiện việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho hộ là các thách thức lớn trong việc chứng minh tính pháp lý của nguồn đất mà hộ sử dụng.

Sản phẩm hộ sản xuất ra được thu mua bởi các tiểu thương. Hiện trong cả ba ngành hàng này, mạng lưới tiểu thương bao gồm rất nhiều đại lý thu mua hoạt động từ cấp thôn, xã đến huyện. Các đại lý này đóng vai trò rất quan trọng trong chuỗi cung ứng, kết nối nông hộ với người mua là các cơ sở chế biến, xuất khẩu. Như đã trình bày ở trên, các hộ tiểu điền sở hữu một lượng lớn diện tích canh tác trong các ngành này, đặc biệt là cà phê và cao su. Tuy nhiên, do diện tích nhỏ và manh mún, sản lượng thu hoạch của các hộ thường quá nhỏ để ký hợp đồng bán trực tiếp cho các công ty chế biến mà chủ yếu là bán qua kênh của các tiểu thương. Các tiểu thương này mua gom sản phẩm từ nhiều hộ khác nhau rồi bán lại cho các đại lý lớn hơn hoặc bán cho công ty chế biến xuất khẩu. Giao dịch giữa hộ và các tiểu thương thường mang đậm tính chất phi chính thức, với các ưu tiên tập trung vào chất lượng

<sup>2</sup> Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN năm 2021, Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN năm 2022 và Quyết định số 2357/QĐ-BNN-KL năm 2023.

<sup>3</sup> Theo báo cáo của Bộ NN&PTNT, diện tích rừng tự nhiên 2022 giảm đi hơn 145.000 ha so với năm 2020 trong khi diện tích rừng trồng lại tăng đến gần 260.000 ha trong đó có khoảng 138.000 ha rừng trồng bị kiểm kê sai là rừng tự nhiên trong giai đoạn 2013 – 2016 và mới được cập nhật gần đây.

sản phẩm và giá cả trong khi các yêu cầu về pháp lý như bằng chứng về nguồn gốc sản phẩm, về các giao dịch (ví dụ thuế, phí) thường bị bỏ qua. Một số tiểu thương có thu thập giấy tờ chứng minh nguồn gốc của sản phẩm, tuy nhiên trong thực tế rất khó kiểm soát việc liệu các tiểu thương này có trộn lẫn các sản phẩm được thu hoạch từ các nơi khác nhau vào chuỗi cung hay không, đặc biệt là với các mặt hàng nông sản rời như cà phê, mủ cao su.

*Bảng 2: Tổng quan về thực trạng nông hộ tham gia sản xuất trong các ngành cà phê, gỗ, cao su*

Cây trồng	Diện tích tổng	Diện tích hộ/ số hộ	Tình trạng đất đai	Tình trạng pháp lý của lô/ thửa đất	Nguy cơ mất rừng (theo EUDR)
Cà phê	Khoảng 710 ngàn ha	- Khoảng hơn 600 ngàn hộ chiếm 80-90% tổng diện tích trồng cà phê trong nước.	- 60% số hộ có diện tích dưới 1 ha - Bình quân mỗi hộ có 2-5 mảnh - Diện tích trung bình 1 mảnh rất đa dạng từ 0,2 đến 5 héc ta.	- Lịch sử/ tình trạng pháp lý của mỗi mảnh khác nhau – có thể có do được giao khoán, mua bán viết tay, có sổ, chưa có sổ đỏ... - Hoạt động sang nhượng đất diễn ra mạnh, qua nhiều năm. Hiện chưa rõ tình trạng chủ sở hữu của đất.	Nhỏ, trừ một số diện tích mới mở rộng trong vài năm gần đây
Gỗ	4,4 triệu ha rừng trồng	- 1,4 triệu hộ được giao khoảng 3,19 triệu ha đất rừng, trong đó có 1,45 triệu ha rừng sản xuất, còn lại là rừng tự nhiên và rừng phòng hộ. - Các hộ chiếm trên 60% nguồn cung gỗ rừng trồng trong nước.	- Mỗi hộ có trung bình 2-3 mảnh	- Khoảng 30% số hộ chưa có sổ đỏ. - Ở một số nơi, khoảng 60% hộ chưa được cấp sổ đỏ.	Nhỏ
Cao su	Khoảng 918 ngàn ha	- Trong nước: khoảng 245 ngàn hộ, chiếm khoảng 51% tổng số diện tích. - Luồng cung cao su từ Cam-pu-chia và Lào – từ các hộ, biết diện tích/ hộ.	Đất đỡ phân tán hơn cà phê	- Chưa có thông tin về tình trạng pháp lý của đất mà các hộ đang sử dụng. - Tình trạng chủ đất vắng mặt (absentee landlord) khá phổ biến ở một số tỉnh như Bình Phước, Tây Ninh, v.v.	- Trong nước: nhỏ - Luồng cung Cam-pu-chia và Lào: Không xác định được

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu Forest Trends tổng hợp từ kết quả phỏng vấn thực địa và các báo cáo liên quan của Bộ NN&PTNT, VIFOREST, VICOFA, VRA và Forest Trends.*

### **Khó khăn trong việc nông hộ tiếp cận thông tin về cơ chế, chính sách**

Nông hộ tham gia vào ba chuỗi cung nêu trên thường sống tại các khu vực miền núi nơi tiếp cận với thông tin, bao gồm các yêu cầu về cơ chế chính sách mới thường hạn chế. Thông thường, nguồn thông tin mà hộ được cập nhật được chuyển tải qua kênh của chính quyền địa phương hoặc thương lái thu mua. Tuy nhiên, đối với nhiều hộ các thông tin này không thiết thực. Điều mà hộ quan tâm nhất là sản phẩm mà hộ làm ra có tìm được thị trường đầu ra dễ dàng hay không, và mức giá bán sản phẩm là bao nhiêu. Người mua, trong trường hợp này là hệ thống thương lái, đóng vai trò quan trọng nhất đối với hộ. Đối với thương lái, như đã đề cập ở trên, chất lượng sản phẩm và giá cả là những yếu tố quan trọng nhất.

Nông hộ và các thương lái có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đáp ứng với các yêu cầu của EUDR, cụ thể là các yêu cầu có liên quan tới tính pháp lý của thửa đất sản xuất, vị trí địa lý của thửa đất và yêu cầu về truy xuất nguồn gốc. Là người cung cấp các sản phẩm cho chuỗi, hộ có vai trò thu thập thông tin và bằng chứng về tính hợp pháp của hoạt động sản xuất diễn ra trên các thửa đất của mình. Hộ cũng cần thu thập thông tin để đảm bảo quá trình canh tác trên mảnh đất của mình không gây mất rừng. Các thông tin này không phải lúc nào hộ cũng sẵn có. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các mảnh đất mà hộ canh tác là chức năng của chính quyền địa phương. Xác định việc có rừng (hay không) trên các thửa đất mà hộ canh tác tại thời điểm 31/12/2020 là vai trò của chính quyền địa phương. Xác định hộ sử dụng đất đúng với mục đích cũng là vai trò của chính quyền. Tóm lại, để đáp ứng các yêu cầu của EUDR có liên quan tới thửa đất sản xuất của hộ đòi hỏi có sự tham gia trực tiếp của chính quyền địa phương vì bản thân hộ không phải lúc nào cũng có thể thu thập và cung cấp được các thông tin này.

Mặt khác, do trình độ giáo dục và hiểu biết hạn chế, việc yêu cầu các hộ cung cấp tọa độ thửa đất canh tác của mình, đặc biệt là với các mảnh có diện tích trên 4ha sẽ là một thách thức lớn. Hiện tại, ở Việt Nam có lưu hành 2 mẫu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi mẫu giấy mới có hiệu lực từ cuối năm 2009 (hay còn gọi là sổ hồng) có ghi rõ tọa độ của ranh giới thửa đất theo hệ tọa độ quốc gia VN2000 thì mẫu cũ (sổ đỏ) không ghi tọa độ cụ thể, chủ sở hữu muốn biết thì phải liên hệ với chính quyền địa phương. Điều này sẽ gây khó khăn cho các chủ đất đang sử dụng mẫu sổ cũ. Ngoài ra, tuy EU chưa quy định cụ thể về các hệ tọa độ viễn thám nào sẽ được chấp nhận, các cơ quan quản lý ở phía Việt Nam cũng cần nghiên cứu vấn đề này để kịp thời hỗ trợ các hộ nếu cần.

Tình trạng không chính thống trong giao dịch giữa các thương lái và nông hộ đòi hỏi cần chuyển thành các giao dịch chính thống, với 2 bên tuân thủ với các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam quy định về các giao dịch này. Điều này sẽ góp phần đáp ứng được yêu cầu của EUDR về truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kiểm soát chuỗi cung.

#### 4. Thông tin cần rà soát để chuẩn bị thực hiện EUDR

Hiện tại, thông tin về chuỗi cung của nông hộ nói chung còn tương đối hạn chế, đặc biệt là các thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc của nông – lâm sản. Về cơ bản, quy định về thẩm định chuỗi cung ứng (hay còn gọi là *trách nhiệm giải trình - due diligence*) trong EUDR không có nhiều khác biệt so với các quy định mà EU đã áp dụng trong Quy định về gỗ hợp pháp (EUTR 995) và Hiệp định VPA/FLEGT nhằm quản lý chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ. Tuy nhiên, EUDR đòi hỏi cao hơn về mặt bằng chứng khi yêu cầu doanh nghiệp cung cấp tọa độ đến tận thửa đất khai thác. Với thông tin này, cơ quan thẩm quyền EUDR có thể tự xác minh bằng hệ thống vệ tinh viễn thám của EU xem có xảy ra tình trạng mất và/ hoặc suy thoái rừng tại khu vực sản xuất hàng hóa hay không. Do đó, việc thống kê và đánh giá các hộ tham gia chuỗi cung là điều bắt buộc.

Để thu thập các thông tin liên quan đến hộ như số thửa đất, diện tích các thửa, vị trí của thửa, tình trạng pháp lý, lịch sử hình thành và rủi ro mất rừng, v.v., doanh nghiệp cần chủ động phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện một cuộc thống kê toàn diện đối với các hộ tham gia chuỗi cung ứng của mình. Trong đó, cần làm rõ sự khác biệt giữa hai nhóm hộ, bao gồm:

- Hộ tham gia chuỗi có chứng chỉ (khoảng 30% diện tích trồng cà phê và một số hộ trồng rừng)
- Hộ không tham gia các chương trình chứng chỉ

Nội dung khảo sát cần thỏa mãn tối thiểu các yếu tố sau:

- Thông tin về khu vực canh tác, sản xuất nông-lâm sản của hộ: số mảnh đất, diện tích, tình trạng pháp lý, vị trí địa lý, số lượng và chủng loại cây trồng trên từng mảnh, tuổi cây, năng suất, v.v.
- Kênh đầu ra của nông hộ: chủng loại sản phẩm, bán cho ai, bán đi đâu, số lượng bao nhiêu, có thực hiện trộn lẫn sản phẩm giữa các mảnh đất khác nhau/ giữa nguồn có chứng chỉ và không có chứng chỉ khi thu hoạch/ chế biến/ lưu trữ/ vận chuyển hay không (khả năng truy xuất nguồn gốc), v.v.
- Cơ chế liên kết của hộ: hộ có tham gia mô hình hợp tác xã nào không, hộ có tham gia liên kết với công ty trong quá trình sản xuất không, cơ chế liên kết thế nào, lợi ích liên kết thế nào, v.v.

Ngoài nông hộ, nhóm thương lái thu mua cũng cần được thống kê và khảo sát xem cách thức thu mua và quản lý thông tin hàng hóa trong nhóm này trước khi bán cho công ty, cơ sở chế biến hiện có các rủi ro gì. Nhóm này cũng cần được phổ biến về các quy định mới của EUDR để có thể tư vấn và yêu cầu hộ thu thập các thông tin cần thiết vào hồ sơ nông-lâm sản nhằm giúp người dùng trong các khâu tiếp theo của chuỗi tránh được các chi phí phát sinh sau này khi bị người mua hoặc cơ quan thẩm quyền ở phía EU yêu cầu truy xuất ngược lại toàn chuỗi.

Việc triển khai thực hiện khảo sát này trên quy mô rộng đòi hỏi nguồn lực rất lớn do số nông hộ tham gia sản xuất rất lớn, các thửa đất sản xuất manh mún, phân tán. Hiện tại, chỉ có các diện tích đã có chứng chỉ là dễ tiếp cận hơn do các hộ đã thực hiện yêu cầu truy xuất nguồn gốc khi tham gia các chương trình chứng chỉ. Do đó, rất khó để có thể triển khai đồng loạt trên toàn quốc mà cần tiếp cận theo các vùng sản xuất trọng điểm của từng ngành. Ví dụ như ngành cà phê sẽ triển khai thí điểm trước tại Tây Nguyên, ưu tiên các khu vực có sản lượng cà phê xuất khẩu lớn và hiện có các diện tích liên kết lớn với các doanh nghiệp xuất khẩu, như công ty Vĩnh Hiệp ở Gia Lai, công ty Simexco ở Đắk Lắk. Việc thí điểm có thể thực hiện ở cấp xã hoặc huyện trước khi nhân rộng ra toàn tỉnh hoặc khu vực. Song song với việc thu thập thông tin và xác định rủi ro, doanh nghiệp cần có chiến lược giảm thiểu rủi ro trong chuỗi và hỗ trợ các nhà cung cấp của mình, bao gồm mạng lưới thương lái và nông hộ, thực hiện các hành động đó. Tất cả các hoạt động này khi được thực hiện đồng bộ và lưu trữ hồ sơ, thông tin đầy đủ sẽ giúp doanh nghiệp không gặp cản trở khi xuất khẩu vào EU khi EUDR bắt đầu được áp dụng, đồng thời cũng giảm nguy cơ Việt Nam bị EU phân loại rủi ro cao về mất và suy thoái rừng.

## 5. Khuyến nghị

Trong bối cảnh chỉ còn chưa tới 18 tháng trước khi EUDR chính thức được thực hiện, việc rà soát các điểm rủi ro trong chuỗi cung ứng liên quan tới nông hộ như đã nêu ở trên là cực kỳ cấp thiết. Việc này cần triển khai một cách có hệ thống và chiến lược rõ ràng để kịp thời thu thập và xử lý thông tin của hàng triệu nông hộ theo quy định của EUDR. Tuy nhiên, do năng lực và nguồn lực của nông hộ nhìn chung rất hạn chế, cần có sự tham gia của nhiều bên liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu và cơ quan quản lý các cấp.

### Vai trò của chính phủ và các cơ quan quản lý

Chính phủ cần gấp rút nghiên cứu xây dựng, cập nhật các thông tin sau và chia sẻ với các bên liên quan như hiệp hội, doanh nghiệp và EU:

- Bản đồ thực trạng rừng, mất rừng, suy thoái rừng
- Hiện trạng đất đai – bản đồ số hóa, vị trí và hiện trạng các lô đất chưa được cấp sổ đỏ, tính chính xác của vị trí và ranh giới các thửa đất theo sổ đỏ đã cấp, v.v. tập trung vào các tỉnh có diện tích cà phê, cao su, rừng trồng lớn.



Ngoài ra, Chính phủ cần giao cho bộ ngành liên quan rà soát chuỗi cung ứng của các ngành hàng – bắt đầu từ các ngành hàng gỗ, cà phê, cao su – để đánh giá rủi ro và khả năng đáp ứng của người sản xuất, thương lái và doanh nghiệp với yêu cầu của EUDR như đã trình bày ở trên. Trên cơ sở này, Chính phủ sẽ chỉ đạo các ban ngành, đặc biệt là chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền, xây dựng năng lực cho nông hộ, đặc biệt là tại các khu vực có nhiều người dân tộc thiểu số. Ngoài ra, Chính phủ cần xem xét đưa ra chính sách phù hợp để nhanh chóng hợp thức hóa các thửa đất sản xuất của hộ hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không nằm trong diện rủi ro gây mất và suy thoái rừng.

### **Vai trò của doanh nghiệp và hiệp hội**

Các DN cần nhanh chóng rà soát lại chuỗi cung ứng của mình và làm việc với chính quyền địa phương và các thương lái cung cấp hàng cho mình để đánh giá khả năng đáp ứng quy định EUDR của chuỗi cung hiện tại của mình. Việc đánh giá cũng cần xác định những tồn tại của chuỗi. Qua đó, doanh nghiệp sẽ xây dựng phương án khắc phục các vấn đề này. Khắc phục các tồn tại này có thể phải đòi hỏi các nguồn lực về con người, tài chính và sự tham gia tích cực của các bên liên quan, đặc biệt là Chính quyền địa phương - cơ quan có trách nhiệm trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tình trạng pháp lý và vị trí địa lý của các thửa đất canh tác của hộ.

Đáp ứng truy xuất nguồn gốc đòi hỏi DN tổ chức lại chuỗi cung ứng, đặc biệt chính thức hóa giao dịch giữa các hộ và hệ thống thương lái. Chính thức hóa giao dịch này đòi hỏi việc đơn giản hóa các yêu cầu tại các khâu này. Cắt ngắn chuỗi cung ứng thông qua thiết lập liên kết giữa các hộ và các công ty chế biến trong các dự án xây dựng vùng nguyên liệu có chứng chỉ bền vững là một trong những cách thức tốt để thực hiện việc đơn giản hóa chuỗi. Một số công ty gỗ, cà phê, cao su đã có kinh nghiệm tham gia các chương trình chứng chỉ bền vững trong nhiều năm cho biết việc truy xuất nguồn gốc là một yêu cầu bắt buộc trong các chương trình này. Do đó, các doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu sang EU trong tương lai mà chưa tham gia làm chứng chỉ thì có thể xem xét phương án này để vượt qua các rào cản sắp tới.

Mặt khác, việc hình thành vùng nguyên liệu bền vững và xây dựng liên kết giữa công ty và hộ cần đảm bảo lợi ích kinh tế mà hộ thu được từ các sản phẩm có chứng chỉ bù đắp thỏa đáng cho phần chi phí đầu vào của hộ, đặc biệt là chi phí về lao động. Là một trong những bên chủ chốt tham gia chuỗi cung, DN cần hỗ trợ các hộ trong việc tham gia các hoạt động sản xuất sản phẩm bền vững, có chứng chỉ. Chính quyền cũng nên có những cơ chế chính sách, khuyến khích nông hộ và DN tham gia các hoạt động này. Các hoạt động khuyến khích này có thể thông qua việc Chính quyền tích cực tham gia, giải quyết các tồn tại về đất đai, xác định mối liên kết giữa rủi ro về mất rừng và hoạt động sản xuất của hộ và DN.

Các nông hộ cần được tập huấn nâng cao nhận thức về tính hợp pháp của nông-lâm sản nói chung và quy định mới trong EUDR nói riêng để hộ ý thức được tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc, qua đó tích cực và chủ động thực hiện các hành động cần thiết để tăng cường tính minh bạch đối với nguồn gốc sản phẩm và giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng. Mạng lưới tư thương với vai trò là cầu nối giữa hàng triệu hộ nông dân với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu lớn cần được tham gia vào các hoạt động xây dựng năng lực, tuyên truyền, phổ biến thông tin về EUDR để hiểu và nắm rõ về các quy định mới phát sinh nhằm thu thập đủ và đúng các thông tin cần thiết để truy xuất nguồn gốc nông sản.

Đối với quy định về tọa độ địa lý của lô đất sản xuất, doanh nghiệp và chính quyền địa phương cần phối hợp để giúp hộ nắm được thông tin về tọa độ vị trí của thửa đất của mình để có thể cung cấp cho người mua khi được yêu cầu. Do việc phân chia chuỗi cung sản phẩm gặp nhiều khó khăn trên thực

Để thực hiện yêu cầu các hộ cung cấp thông tin này khi bán sản phẩm cho bất cứ người mua nào cần được thực hiện đồng bộ thì mới đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.

Doanh nghiệp và chính quyền địa phương cần tạo cơ sở dữ liệu về hộ và bản đồ thửa đất cũng như phần mềm để hộ tự khai báo thông tin nhằm phục vụ truy xuất nguồn gốc liên tục trong tương lai. Các tiện ích này phải được cung cấp miễn phí và truy cập dễ dàng đối với hộ và bất cứ bên quan tâm nào. Hộ cần được hỗ trợ mua sắm thiết bị và tập huấn sử dụng các tiện ích này nếu cần. Các bên nên xem xét liên kết cùng đóng góp kinh phí xây dựng một cơ sở dữ liệu và phần mềm sử dụng chung cho cả nước và các ngành để tiết kiệm chi phí và dễ dàng quản lý thông tin.